TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 05/6/2020
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Dương Thị Kim Nhung
Các Hội thẩm nhân dân:+ Bà Vũ Thị Lệ Thủy
+ Ông Nguyễn Kim Thành
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân - Thư ký TAND quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 55A/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp: "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 15/4/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 55A/2020/QĐST – HPT ngày 05 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Ông Lê Văn V - Sinh năm:1983; Địa chỉ: Tổ 101, phường Thọ Q, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

* **Bị đơn**: Bà Nguyễn Thị N - Sinh năm: 1985; Địa chỉ: Tổ 101, phường Thọ Q , quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện gửi đến Toà án ngày 25/12/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn* ông Lê Văn V *trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Nguyễn Thị N có thời gian tìm hiểu và đăng ký kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân dân phường Mân T quận Sơn Trà thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyên theo giấy chứng nhận kết hôn quyển số 01 số 07, ngày 28/01/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại tổ 101, phường Thọ Q , quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Quá trình chung sống đến tháng 4/2016

thì bà N bỏ nhà ra đi, tôi đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có kết quả. Nay tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

- Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chúng tôi có 01 con chung là Lê Thị Thanh M , sinh ngày 13/10/2006. Nếu ly hôn nguyện vọng của tôi là được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Tôi xác định tôi và bà Nguyễn Thị N không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Tôi xác định tôi và bà Nguyễn Thị N không có nợ chung.

** Đối với bị đơn – Bà Nguyễn Thị N mặc dù đã được Tòa án đã niêm yết thông báo Thụ lý, về các phiên hòa giải nhưng bà N đều vắng mặt* và *không có ý kiến phản hồi. Do vậy, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà N theo thủ tục chung.*

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn bà Nguyễn Thị N vắng mặt không có lý do và đã được Tòa án làm thủ tục cấp tống đạt và niêm yết theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51,56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình 2014 và chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Văn V đối với bà Nguyễn Thị N. Về con chung đề nghị HĐXX giao con chung Lê Thị Thanh M cho ông Lê Văn V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và bà N không cấp dưỡng nuôi con, về nợ chung và tài sản chung trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông V khai không có tài sản và nợ chung, nếu sau này bà N trở về và yêu cầu giải quyết thì giải quyết bằng một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] **Về thủ tục:** Đơn khởi kiện của ông Lê Văn V nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung:** Ông Lê Văn V và bà Nguyễn Thị N có đăng ký kết hôn tại UBND phường Mân T , quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng vào năm 2005, theo giấy đăng ký kết hôn số 07 quyển số 01/2005. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Văn V và bà Nguyễn Thị N theo lời trình bày của ông V, trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và không có tiếng nói chung nên đến tháng 4 năm 2016 thì bà N bỏ nhà ra đi mà không có lý do gì đã được Tòa án ra Quyết định số 02/2019/QĐST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2019 về việc tuyên bố một người mất tích đối với bà Nguyễn Thị N. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân tại địa phương thì được chính quyền địa phương phường Thọ Q , quận

Sơn Trà cung cấp,vợ chồng ông Lê Văn V và bà Nguyễn Thị N có hộ khẩu thường trú tại tổ 101, phường Thọ Q , quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Theo thông tin phản ánh từ quần chúng thì được biết bà N đã bỏ nhà ra đi từ tháng 4 năm 2016. Hiện nay, ông V đang sống một mình và nuôi con chung Lê Thị Thanh M.

Xét thấy, mục đích hôn nhân của ông Lê Văn V và bà Nguyễn Thị N không đạt được nên HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu ly hôn của ông Lê Văn V đối với bà Nguyễn Thị N.

Về con chung: Ông Lê Văn V và bà Nguyễn Thị N có 01 con chung là Lê Thị Thanh M, sinh ngày 13/10/2006. Từ khi bà N bỏ nhà ra đi cháu Mai ở ổn định với ông V từ đó đến nay.Vì vậy giao con chung Lê Thị Thanh M cho ông Lê Văn V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, bà Nguyễn Thị N không cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Lê Văn V xác định không có tài sản chung.

Về nợ chung: Ông Lê Văn V xác định không có nợ chung.

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị N trở về và có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000 đồng ông Lê Văn V phải nộp nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí mà ông Lê Văn V đã nộp tại biên lai thu số 0008351 ngày 03/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà thành phố Đà Nẵng. Ông Lê Văn V đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ban hành ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung* " của ông Lê Văn V đối với bà Nguyễn Thị N.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn V *được ly hôn với bà Nguyễn Thị N. Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Văn V đối với bà Nguyễn Thị N nên* theo giấy đăng ký kết hôn số 07 quyển số 01/2005*, do Ủy ban nhân dân phường Mân T, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28.01.2005 cho ông Lê Văn V và bà Nguyễn Thị N không còn giá trị pháp lý.*

Về quan hệ con chung: Ông Lê Văn V và bà Nguyễn Thị N có 01 con chung tên là Lê Thị Thanh M, sinh ngày 13/10/2006. Giao con chung cho ông Lê Văn V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, bà N không cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Lê Văn V xác nhận vợ chồng ông không có tài sản chung.

Về nợ chung: Ông Lê Văn V xác nhận vợ chồng ông không có nợ chung.

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị N trở về và có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì giải quyết bằng một vụ án khác.

2. Án phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng ông Lê Văn V phải chịu nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0008351 ngày 03/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND phường Thọ Q ,
- UBND phường Mân T ,
- Lưu hồ sơ,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

DƯƠNG THỊ KIM NHUNG